CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

Số: 10/NSG-BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 và các nghị quyết của HĐQT, trên tinh thần trách nhiệm, nỗ lực của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Nay xin báo cáo kết quả thực hiện và trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để Đại hội đồng cổ đông xem xét.

PHẦN 1

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SÀI GÒN

I. Đánh giá phân tích kết quả SXKD:

1. Tổng doanh thu và thu nhập khác:

Bên cạnh nguyên nhân kinh tế vĩ mô bất ổn, giá cả nguồn cung nguyên vật liệu tăng cao cùng với sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường nội địa. Doanh thu sản xuất kinh doanh chính của công ty giảm dần qua các năm có nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy có công tác dự báo để tìm kiếm cơ hội khác bù vào ngành sản xuất kinh doanh chính. Với đặc điểm truyền thống của đơn vị là chuyên sản xuất nhựa công nghiệp, các sản phẩm có kích thước lớn và trọng lượng lớn, đây là một lợi thế và cũng là một thách thức lớn cho NSG, nếu muốn giữ thị trường ổn định phải đa dạng mẫu mã, tăng tính cạnh tranh, … khi công ty không đủ sức đầu tư thiết bị khuôn mẫu cùng với những khó khăn chung của các ngành công nghiệp trong năm 2024 và 2025 đáp ứng nhanh thị trượng thì sức bán hàng của công ty liên tục giảm qua các năm.

Đặc biệt, NSG có một khó khăn mang tính trọng yếu là bị cưỡng chế phát hành hóa đơn lẻ do nợ nghĩa vụ thuế dẫn đến hoạt động kinh doanh chính luôn trong tình trạng bất ổn:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2025	2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**12.192.095.104**	**10.878.082.919**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**12.192.095.104**	**10.878.082.919**
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.074.766.733	11.969.212.332
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.117.328.371**	**(1.091.129.413)**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	926.263	153.322
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.571.015.280	1.581.511.666
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1.571.015.280*	*1.581.511.666*
Chi phí bán hàng	24	VI.7.1	881.597.724	1.044.083.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7.2	6.020.927.252	5.804.276.303
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(7.355.285.622)**	**(9.520.847.253)**
Thu nhập khác	31	VI.5	108.481.142	269.152.008
Chi phí khác	32	VI.6	2.877.436.093	507.437.693
Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(2.768.954.951)**	**(238.285.685)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(10.124.240.573)**	**(9.759.132.938)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	**60**		**(10.124.240.573)**	**(9.759.132.938)**

(Theo báo cáo tài chính kiểm toán AASCS đã lập.)

Doanh thu sản xuất kinh doanh chính của công ty sản xuất kinh doanh chính của công ty không còn sụt giảm, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	So sánh (%)
Tổng doanh thu và thu nhập khác	12.302	11.147	110,36%
Trong đó: *- Doanh thu SXKD chính* *- Doanh thu hợp tác khai thác MB*	*7.003* *5.299*	*6.235* *4.912*	*112,31%* *107,87%*

2. Về lợi nhuận:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận trước & sau thuế	-10.124	-9.759

a. Biến động lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Một trong những yếu tố then chốt đóng góp vào sự cải thiện kết quả kinh doanh là sự gia tăng rõ rệt của lợi nhuận gộp:

Lợi nhuận 12 tháng năm 2024: lỗ gộp 1.091.129.413 đồng

Lợi nhuận 12 tháng năm 2025: lãi gộp 1.117.328.371 đồng

Như vậy, lợi nhuận gộp đã tăng 2.208.457.784 đồng *(1.117.328.371 đồng cộng 1.091.129.413 đồng)*, chuyển từ trạng thái âm sang dương. Kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi đã được cải thiện, đặc biệt là trong mảng hợp tác kinh doanh, khi doanh thu từ các hợp đồng hợp tác phát sinh và tăng trưởng trong năm 2025.

Sự cải thiện này phản ánh:

+ Doanh thu hợp tác kinh doanh tăng so với cùng kỳ;

+ Cơ cấu doanh thu và giá vốn được xây dựng xu hướng hợp lý hơn;

+ Hoạt động kinh doanh bắt đầu tạo ra giá trị gia tăng thay vì bù lỗ như năm trước.

Tuy nhiên, do phải gánh khoản phạt chậm nộp với số tiền 2.707.427.502 đồng, do vậy, kết quả lợi nhuận sau thuế của Cty giảm như bảng nêu trên.

b. Ảnh hưởng của chi phí thuê đất trong năm 2025

Mặc dù lợi nhuận gộp được cải thiện, lợi nhuận trước thuế vẫn ghi nhận âm, nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí thuê đất phát sinh lớn trong năm 2025.

Cụ thể, trong năm 2025, Công ty phát sinh tổng chi phí thuê đất là 16.427.236.735 đồng, trong đó:

Chi phí thuê đất là 6.534.435.130 đồng đã được phân bổ vào giá vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh và hoạt động sản xuất hàng bán trong kỳ; trong 12 tháng đã thực hiện phân bổ 5.989.898.869 đồng, phần còn lại 544.536.261 đồng được ghi nhận là chi phí trả trước và tiếp tục phân bổ vào kỳ tháng 12/2025.

Chi phí phạt chậm nộp tiền thuê đất năm 2025 là 7.618.098.006 đồng được ghi nhận là chi phí trả trước, hiện đang theo dõi và chờ phân bổ vào các kỳ sau do khoản chi phí này đang được xem xét điều chỉnh về thời gian và phương pháp phân bổ.

Do đó, số liệu chi phí thuê đất và ảnh hưởng của khoản mục này trong năm 2025 chỉ mang tính tạm tính, chưa phản ánh đầy đủ mức chi phí thực tế sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh của kỳ nếu có sự điều chỉnh chi phí phạt chậm nộp tiền thuê đất vào chi phí giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh và hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3. Tình hình công nợ đến 31/12/2025:

3.1. Các khoản nợ từ ngân hàng, khách hàng:

Stt	Tên Ngân hàng	Nợ gốc
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội – MB	1.614.898.384
2	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – Eximbank	4.086.948.786
3	Ngân Hàng Vietinbank– CN5	11.027.155.362
4	Công ty TNHH Tân Phúc Hồng	2.924.633.939
5	Công ty TNHH Toa Vina	2.000.000.000
6	Công ty Cổ phần BĐS Sài gòn Đông Dương	400.000.000
	Tổng cộng	**22.053.636.471**

- Khoản vay ngắn hạn:

+ Ngân hàng Eximbank, hình thức vay: tín chấp;

+ Ngân hàng MB là vay có tài sản đảm bảo bằng máy ép phun 1400 tấn WOOJIN Model DL1300/1800S_IH153.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettinbank) – Chi nhánh 5: vay được xét tham gia chương trình kích cầu thành phố, thời hạn vay là 07 năm đến quý IV năm 2021. Hình thức vay có tài sản đảm bảo được hình thành từ dự án.

+ Tân Phúc Hồng: Theo 351/QĐ-CCTHADS (Thi hành án theo yêu cầu ngày 19/11/2020)

+ Toavina: Theo Hợp đồng cho vay tiền số 17022020 ngày 17/02/2020 và số 02032020 ngày 02/03/2020.

+ Bất động sản Đông Dương : Ghi nhận thông tin trên BCTC hàng năm nhưng không có chứng từ đính kèm liên quan

3.2. Các khoản nợ từ ngân sách nhà nước:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	31/12/2025	Ghi chú
1.	Nợ tiền thuế (thuê đất, phạt chậm nộp)	29.516.690.860	Các khoản nợ ghi nhận kéo dài từ năm 2018 đến nay
2.	Nợ kinh phí công đoàn	402.483.995	Các khoản nợ ghi nhận kéo dài từ tháng 11 năm 2019 đến nay
2.	Nợ BHXH, BHYT, BHTN	4.558.618.897	Các khoản nợ ghi nhận kéo dài từ tháng 11 năm 2019 đến nay
	Cộng	**34.477.793.752**	

3.3. Nợ nhà cung cấp khác:

Stt	Tên khách hàng	31/12/2025	Ghi chú
1	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH MTV	100.740.000	Ghi nhận thông tin trên BCTC hàng năm từ 2016
2	Công ty TNHH Khôi Việt	2.063.665.000	
3	Công ty TNHH Thương mại và Kỹ	771.496.099	

Stt	Tên khách hàng	31/12/2025	Ghi chú
	thuật Tân Kỷ Nguyên		đến 12.2025
4	Ông Lê Văn Thành	23.003.000.000	
5	Các nhà cung cấp khác	3.249.342.105	
	Tổng cộng	**29.188.243.204**	

4. Tình hình quản lý sử dụng tài sản cố định, bất động sản:

NSG ngày nay được chuyển đổi từ DNNN Công ty Nhựa Sài Gòn thuộc Sở Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, được Ủy ban nhân dân thành phố giao quản lý sử dụng các mặt bằng sau:

Stt	Địa chỉ khu đất	Mục đích sử dụng Đất	DT theo HĐTĐ (m^2)	ĐG 2024 (đồng/m^2)	ĐG 2025 (đồng/m^2)	Tỷ lệ tăng 2024/2025
1	242 Trần Phú, Phường An Đông.	VP thương mại, dịch vụ, cửa hàng trưng bày, showroom	1.325,3	2.217.600	2.149.500	-3%
2	226 Trần Phú, Phường An Đông.	Kho chứa hàng	933,9	962.280	2.149.500	123%
3	50A Bến Phú Định, Phường Phú Định.	VP, kho chứa hàng và xưởng sản xuất	7.645,4	99.944	187.488	88%
4	1048 (số mới 1101) Lò Gốm, Phường Bình Tiên.	Kho chứa hàng và xưởng sản xuất khuôn mẫu (quy hoạch công viên cây xanh và công trình công cộng)	511,7	281.081	138.750	-51%
5	361/19-25 Phạm Văn Chí, Phường Bình Tiên.	Kho chứa hàng	318	318.000	378.000	19%
6	165 Lê Thị Bạch Cát, Phường Phú Thọ.	Kho chứa hàng	69,6	804.384	771.000	-4%

II. Đánh giá nguyên nhân khách quan, chủ quan khác:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đã có những tín hiệu tích cực so với năm 2024, thể hiện qua việc doanh thu tăng và mức lỗ trong năm được cải thiện. Tuy nhiên, Công ty vẫn còn tồn tại khoản lỗ lũy kế lớn, đồng thời phải đối mặt với nhiều khó khăn hiện hữu và tiềm ẩn cần được xử lý song song với hoạt động sản xuất kinh doanh; Cụ thể, việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn trong thời gian từ ngày 08/06/2023 đến hết ngày 07/06/2024 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh, làm gián đoạn việc xuất hóa đơn cho khách hàng, đối tác, từ đó dẫn đến việc mất thị trường.

- Tiền thuê đất có chiều hướng tăng tiếp tục đối với các mặt bằng Nhựa Sài Gòn đang được giao quản lý, sử dụng, tạo thêm áp lực về chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các khoản nợ Ngân hàng, nợ khách hàng, đang phải thi hành án,... đã tồn đọng từ các năm tài chính trước đó (2020-2023) vẫn chưa được xử lý dứt điểm, tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

- Công ty cũng đang phải thực hiện quyết định cưỡng chế mã số thuế về việc xuất nhập khẩu của đơn vị,... dẫn đến mất thị trường nước ngoài.

PHẦN 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ RỦI RO TIỀM ẨN NĂM 2025

I. Sản xuất kinh doanh chính:

Sản phẩm, thị phần của công ty còn tăng trưởng trong xu thế nền kinh tế trong và ngoài nước có tín hiệu phục hồi. Do đó việc định hướng khôi phục phát triển của đơn vị cần bám theo thực tế, chủ động và xây dựng lại chiến lược kinh doanh cho phù hợp:

- Tập trung tìm kiếm đối tác chiến lược trong kế hoạch sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa, đồng hành xử lý các nghĩa vụ nhà nước, đối tác tiến tới tái cấu trúc, thay đổi mô hình trong xu thế mới.

- Xây dựng lại phương pháp tính giá vốn, chi phí sản xuất, kinh doanh, các kế hoạch tài chính cụ thể trong đó xác định khoản ưu tiên phải trả;

- Tiếp tục tích cực cơ cấu lại tổ chức nội bộ doanh nghiệp, chú trọng nhân sự cho Phòng Kinh doanh, Nhà máy, bộ phận sản xuất trực tiếp tiến đến tăng nguồn khách hàng, thị trường mới với sản phẩm thế mạnh hiện nay của Công ty (nhựa cho ngành giao thông, môi trường đô thị...);

- Có kế hoạch sử dụng các tài sản trên đất, mặt bằng để tránh lãng phí, gánh nặng tài chính, trong đó, tập trung kiến nghị UBND Thành phố thu hồi lại mặt bằng tại địa chỉ số 361/19-25 Phạm Văn Chí, phường Bình Tiên trong Quý 1 năm 2026 do không sử dụng và không thể khai thác được trên thực tế trong thời gian dài; đeo bám vụ việc với ông Lê Văn Thành để có phương án xử lý, thu hồi mặt bằng tại 165 Lê Thị Bạch Cát trên cơ sở đàm phán lại khoản nợ trên 23 tỷ đồng đã ghi nhận kéo dài;

- Có kế hoạch đàm phán với các chủ nợ là ngân hàng, Công ty Toa-Vina để có phương án xử lý tốt nhất.

1. Cơ cấu tài chính đơn vị năm 2025:

- Các khoản thu đã thực hiện năm 2025:

STT	Nội dung	Số thu/tháng (chưa VAT)	Cả năm
1	Hợp tác khai thác kinh doanh tài sản trên đất tại số 226 Trần Phú, Phường An Đông	120.000.000	1.440.000.000
2	Hợp tác khai thác kinh doanh tài sản trên đất tại số 1011 Lò Gốm, Phường Bình Tiên *(Nguồn thu bắt đầu tính từ tháng 02 năm 2025 do đối tác xin giảm giá từ 32trđ xuống 25trđ)*	25.000.000	307.000.000
3	Hợp tác khai thác kinh doanh tài sản trên đất tại nhà kho 800m2 tại 50A Bến Phú Định, Phường Phú Định	56.000.000	672.000.000
4	Hợp tác khai thác kinh doanh tài sản trên đất tại nhà kho 600m2 tại 50A Bến Phú Định, Phường Phú Định	40.000.000	480.000.000
6	Hợp tác khai thác kinh doanh tài sản trên đất tại số 242 Trần Phú, Phường An Đông *(Nguồn thu bắt đầu tính từ tháng 05 năm 2025)*	300.000.000	2.400.000.000
7	Thu hợp đồng gia công máy ép 650, 1400, 4000 tấn (Thiết bị mỏ, Toavina)	100.000.000	1.200.000.000
	Tổng cộng	**641.000.000**	**6.499.000.000**

2. Về các chỉ tiêu cân đối kế toán:

2.1. Hiệu quả đầu tư vốn 12 tháng năm 2025

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	ĐẾN NGÀY 31.12.2025	TỪ NGÀY 01.01.2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**15.268.935.492**	**11.752.593.531**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**69.762.858**	**672.490.352**
Tiền	111	69.762.858	672.490.352
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121	800.000.000	800.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(800.000.000)	(800.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**8.973.768.104**	**8.235.536.943**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10.331.240.398	8.449.411.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.495.968.398	2.572.421.296
Phải thu ngắn hạn khác	136	7.743.242.893	7.445.807.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(11.596.683.585)	(10.232.103.577)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.820.006.035**	**2.446.514.916**
Hàng tồn kho	141	6.033.984.479	2.446.514.916
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(213.978.444)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**405.398.496**	**398.051.320**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.152.667	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	399.245.829	398.051.320
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**63.858.925.125**	**56.483.635.254**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	-	-
II. Tài sản cố định	**220**	**39.190.540.510**	**44.153.326.382**
Tài sản cố định hữu hình	221	38.836.100.510	43.798.886.382
- Nguyên giá	222	123.370.285.588	123.370.285.588
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223	(84.534.185.078)	(79.571.399.206)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	354.440.000	354.440.000
- Nguyên giá	228	505.400.674	505.400.674
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229	(150.960.674)	(150.960.674)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**	**24.668.384.615**	**12.330.308.872**
Chi phí trả trước dài hạn	261	24.668.384.615	12.330.308.872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**79.127.860.618**	**68.236.228.785**
NGUỒN VỐN	**MÃ SỐ**	**ĐẾN NGÀY 31.12.2025**	**TỪ NGÀY 01.01.2025**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**111.458.852.917**	**90.442.980.511**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**109.778.852.917**	**88.675.980.511**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	29.188.243.204	28.650.896.281
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.867.310.602	1.740.509.410
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	33.295.310.618	18.302.816.485

Phải trả người lao động	314	702.379.878	1.080.117.766
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8.117.361.554	6.082.530.660
Phải trả ngắn hạn khác	319	14.685.437.649	10.765.473.438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.922.809.412	22.053.636.471
II. Nợ dài hạn	**330**	**1.680.000.000**	**1.767.000.000**
Phải trả dài hạn khác	337	1.680.000.000	1.767.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**(32.330.992.299)**	**(22.206.751.727)**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**(32.330.992.299)**	**(22.206.751.727)**
Vốn góp của chủ sở hữu	411	86.392.080.000	86.392.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	2.708.770.000	2.708.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	316.019.095	316.019.095
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(121.747.861.394)	(111.623.620.822)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(111.623.620.821)	(101.864.487.884)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(10.124.240.573)	(9.759.132.938)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**79.127.860.618**	**68.236.228.785**

(Theo báo cáo tài chính năm 2025 theo kiểm toán AASCS lập.)

Theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tại Công văn số 422/UBCK-GSĐC ngày 21 tháng 03 năm 2025 về việc *Triển khai Luật số 56/2024/QH15 đối với các công ty đại chúng có VCSH nhỏ hơn 30 tỷ đồng"*; theo đó, tại mục 2:

"2. Qua rà soát của UBCKNN, theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023, Quý công ty có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 30 tỷ đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật số 56/2024/QH15 nêu trên, kể từ ngày 01/01/2026 công ty đại chúng phải đáp ứng điều kiện có vốn chủ sở hữu từ 30 tỷ đồng trở lên, trường hợp công ty không đáp ứng điều kiện về vốn chủ sở hữu là không đáp ứng điều kiện về công ty đại chúng và thuộc trường hợp hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15..."

Như vậy, với thực trạng NSG đang âm vốn chủ sở hữu thì đến ngày 01/01/2026 NSG sẽ chấm dứt tư cách Công ty Đại chúng.

2.2 Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025

BẢNG PHÂN TÍCH SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NĂM 2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	năm 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	12.192.095.104
	Trong đó:	
	- Doanh thu hoạt động chính	12.192.095.104
	- Doanh thu hoạt động tài chính	926.263
	- Doanh thu khác	-
2	Giá vốn hàng bán	11.074.766.733
3	Chi phí bán hàng	881.597.724
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.020.927.252
5	Chi phí hoạt động tài chính	1.571.015.280
6	Chi phí khác	2.877.436.093
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(7.355.285.622)
8	EBITDA (lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao)	(430.132.630)
9	Lợi nhuận khác	(2.768.954.951)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.124.240.573)
11	Tiền thuê đất tạm tính (do đang làm thủ tục xin giảm tiền thuê đất 2025 chưa bao gồm khoản phạt tiền thuê đất)	6.534.435.130
12	Thuế TNDN (ước tính)	-
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.124.240.573)
14	Tổng tài sản	79.127.860.618
15	Vốn chủ sở hữu	(32.330.992.299)
16	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	(0,13)
17	Lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn chủ sở hữu (ROE)	0,30
18	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (ROS)	(8,29)
19	Nợ phải trả	111.458.852.917
20	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	(3,44)
21	Tài sản ngắn hạn	15.268.935.492
22	Nợ ngắn hạn	109.778.852.917
23	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	0,13

2.3 Tình hình tuân thủ các quy định liên quan trong quá trình quản lý tài sản, sử dụng vốn đầu tư.

Ngày 15/5/2025, căn cứ vào Bản án, Quyết định số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 08/02/2022 và Quyết định sữa chữa bổ sung Quyết định số 01/2022/QĐ-SCBSQĐ ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân quận 5, TPHCM; Quyết định Thi hành án số 210/QĐ-CCTHADS ngày 10/10/2023 cảu Chi cục Thi hành án dân sự quận 8, TPHCM; Quyết định về cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 62/QĐ-CCTHADS ngày 24/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 8, TPHCM đã lập biên bản về việc

kê biên, xử lý tài sản đối với phần tài sản của Cộng ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh 5

Ngày 10/2/2026 Thi hành án Dân sự Khu vực 10 đã ban hành Thông báo số 3098/TB-THADS.KV10 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo bán đấu giá tài sản lần 1 tại Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn.

Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tính đến ngày 28/01/2022 số tiền 13.945.096.006 đồng bao gồm nợ gốc là 11.337.155.362 đồng, lãi quá hạn 1.999.161.938 đồng, lãi phạt chậm trả nợ gốc là 608.778.706 đồng.

Công ty còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 031/2014-HĐTDDA/NHCT920-SAIGON PLASTICJCS ngày 25/06/2014 kể từ ngày 29/02/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Thời hạn và phương thức thanh toán: ngày 30/6/2022 thanh toán 3.500.000.000 đồng. Ngày 30/09/2022 thanh toán số tiền nợ gốc 7.837.155.362 đồng, tiền lãi quá hạn 1.999.161.938 đồng, lãi phạt chậm trả nợ gốc là 608.778.706 đồng

Do phía Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn không thanh toán dứt điểm được số nợ nêu trên vì vậy Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8 đã ban hành Quyết định số 280/QĐ-CCTHADS ngày 10/10/2023 về việc thi hành án theo yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn địa chỉ số 242 Trần Phú, phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (tài sản thế chấp tại số 50A Bến Phú Định, phường 16, quận 8, TP.Hồ Chí Minh).

Ngày 24/4/2025 Chi cục Thi hành án Dân sự quận 8 ban hành Quyết định số 62/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn. Tài sản kê biên, xử lý bao gồm:

- Máy ép phun 4000 tấn WOOJIN, Model DL3500/4500S-IH10002
- Hệ thống tay robot lấy sản phẩm
- 01 bộ cẩu trục dầm đôi
- Máy tay robot 3 servo, Model T1700WS-S3
- Hệ thống khuôn nắp bình, khuôn than bình và khuôn ly
- Khuôn ly nhựa ABS (ép ra 4 sản phẩm, khuôn làm bằng thép P20 của Nhật)
- Khuôn thùng rác 660 lít
- Bơm thủy lực, khuôn trụ phân cách giao thông, khuôn phân thùng Galon, khuôn đế bếp từ, khuôn nắp thùng rác 140 (kín), khuôn nắm thùng rác 240(hở)
- Nhà xưởng tại số 50A Bến Phú Định, phường 16, quận 8, TP.Hồ Chí Minh.

3. Đánh giá rủi ro:

a. Đối với vốn của cổ đông:

Dự báo sự phục hồi nền kinh tế trong và ngoài nước còn khó khăn, ngành nhựa Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thử thách lớn, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cho hiện tại và các năm tiếp theo.

Trên cơ sở các ý kiến của Kiểm toán nêu ra tại Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2025 các vấn đề trọng yếu được ghi nhận như sau:

Tại ngày 31/12/2025, theo Thuyết minh số V.6.2 – "Chi phí trả trước dài hạn", số tiền 12.524.782.933 đồng bao gồm: lãi phạt chậm nộp tiền thuê đất số tiền 9.817.355.431 đồng theo Thông báo của Cơ quan Thuế và chi phí lãi vay, phạt chậm nộp của ngân hàng theo thư xác nhận với số tiền 2.707.427.502 đồng. Ngoài ra, Công ty chưa ghi nhận trên Báo cáo tài chính khoản lãi vay và tiền phạt chậm trả của các ngân hàng khác với số tiền 4.873.534.223 đồng. Trường hợp thực hiện hạch toán đầy đủ các khoản chi phí nêu trên, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ ghi nhận lỗ với số tiền 17.398.317.156 đồng. Vấn đề trên, có nguyên nhân xuất phát từ các vướng mắc trong quá trình đối chiếu, xác nhận số liệu lũy kế từ các năm trước, do đó Công ty chưa thực hiện hạch toán các khoản lãi vay và các nghĩa vụ thuế theo thông báo của Cơ quan Thuế và các xác nhận ngân hàng.

- Theo Quyết định số 5701/QĐ-HCM-KĐT ngày 11/08/2025 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đang có khoản nợ tiền thuế bị áp dụng biện pháp cưỡng chế với số tiền 26.456.979.565 đồng, bằng hình thức phong tỏa tài khoản và ngừng sử dụng hóa đơn trong thời gian từ ngày 11/08/2025 đến ngày 11/08/2026. Đây là khoản nợ tồn đọng kéo dài qua nhiều năm và nhiều nhiệm kỳ quản lý, ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty. Mặc dù Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có nêu kế hoạch và phương án xử lý, tuy nhiên việc giải quyết dứt điểm khoản nợ này chưa thể thực hiện trong năm tài chính do đây là vấn đề tồn tại kéo dài từ nhiều năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2025 là âm (10.124.240.573) VND dẫn đến khoản lỗ luỹ kế tại ngày 31/12/2025 của Công ty là âm (121.747.861.394) đồng, đồng thời khoản lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ là âm (32.330.992.299) đồng. Bên cạnh đó chỉ số thanh toán ngắn hạn của công ty nhỏ hơn 1; Các khoản vay ngắn hạn, nợ quá hạn và tiền lãi vay đã quá hạn thanh toán với giá trị lần lượt là 21.922.809.412 đồng; 23.003.000.000 đồng; 7.570.524.540 đồng. Những chỉ tiêu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu ảnh hưởng lớn đến khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

- Tài sản thiếu chờ xử lý là hàng tồn kho thiếu hụt trong quá trình kiểm kê được ghi nhận tại ngày 31/12/2024 được ghi nhận số tiền 5.284.485.220 đồng hiện vẫn chưa được xử lý.

- Về thủ tục thanh lý tài sản số định ngày 29/02/2024 là khuôn máy với tổng nguyên giá là 11.365.777.036 đồng, hao mòn luỹ kế là 10.819.138.116 đồng, giá trị thanh lý tài sản thu bằng tiền là 474.100.000 đồng, đến thời điểm hiện nay, NSG chưa thu thập được cơ sở pháp lý về việc thanh lý nêu trên.

b. Rủi ro tiềm ẩn:

- Rủi ro về pháp lý và sai mục đích sử dụng đất

- Rủi ro về quản lý vốn Nhà nước;

- Rủi ro về tài chính và nghĩa vụ thuế.

PHẦN 3

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. Các chỉ tiêu tài chính:

1. Chỉ tiêu: Căn cứ vào tình hình thực tế NSG, kế hoạch tái cơ cấu tài chính năm 2026 của NSG dự kiến như sau:

Kế hoạch	Năm 2025	Năm 2026	Tăng trưởng (%)
Tổng doanh thu và thu nhập khác	12.302	14.762	120,00
Trong đó: *- Doanh thu SXKD chính* *- Doanh thu hợp tác khai thác MB*	 *7.003* *5.299*	 *7.550* *7.212*	 *107,81* *136,10*
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-
Nộp ngân sách nhà nước	4.161	4.500	108,14

2. Các nguồn thu dự kiến thực hiện năm 2026:

Đối với việc hợp tác kinh doanh, khai thác lợi thế TS trên đất:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số thu/tháng (Chưa VAT)	Số thu cả năm
1	Khai thác lợi thế kinh doanh từ tài sản trên đất tại 226 Trần Phú.	180.000.000	2.160.000.000
2	Khai thác lợi thế kinh doanh từ tài sản trên đất 1011 Lò Gốm	25.000.000	300.000.000
3	Khai thác lợi thế kinh doanh từ tài sản trên đất 800m2 tại 50A Bến Phú Định.	56.000.000	672.000.000
4	Khai thác lợi thế kinh doanh từ tài sản trên đất 600m2 tại 50A Bến Phú Định.	40.000.000	480.000.000
5	Khai thác lợi thế kinh doanh từ tài sản trên đất 242 Trần Phú.	300.000.000	3.600.000.000
	Tổng cộng	**601.000.000**	**7.212.000.000**

Đối với việc sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa của NSG:

ĐVT: đồng

STT	Gia công và SXKD nhựa	Số thu/tháng (Chưa VAT)	Số thu cả năm
A	Đối tượng gia công thuê máy (Thiết bị mỏ, Amura…)	630.000.000	7.550.000.000

Như vậy, tổng nguồn thu là 14.762.000.000 đồng/năm.

II. Phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty:

1. Giải pháp về vốn lưu động:

Trong bối cảnh ban điều hành (BTGĐ) tiếp nhận và điều hành công ty từ thời điểm 04/07/2024 với rất nhiều khó khăn, nợ nghĩa vụ nhà nước và các công nợ khác như phân tích bên trên, vốn lưu động gần như bằng không. Hiện tại, CTCP Nhựa Sài Gòn đang âm vốn điều lệ 33,3 tỷ (theo BCTC đã kiểm toán 2025 là âm lũy kế 121,7 tỷ vốn chủ sở hữu) và công ty đang đối diện với nguy cơ phá sản, đóng cửa ngoài kiểm soát. Do vậy, việc cấp thiết lúc này là bổ sung vốn lưu động để Công ty tiếp tục hoạt động và tái cấu trúc. Ban điều hành kêu gọi tất cả cổ động quan tâm vấn đề này và có hành động nhanh nhất để tránh tình trạng cưỡng chế phá sản không mong muốn

2. Giải pháp điều chỉnh chiến lược kinh doanh:

Sản phẩm, thị phần của công ty còn tăng trưởng trong xu thế nền kinh tế trong và ngoài nước có tín hiệu phục hồi. Do đó việc định hướng khôi phục phát triển của đơn vị cần bám theo thực tế, chủ động và xây dựng lại chiến lược kinh doanh cho phù hợp:

- Xây dựng phương án tiết giảm chi phí QLDN, chi phí nguyên vật liệu đầu vào, cơ cấu lại các bộ phận sản xuất gián tiếp.

- Tái cấu trúc công ty cùng đối tác chiến lược.

- Hợp tác khai thác kinh doanh các mặt bằng hiệu quả hơn.

- Tạm ngưng hoạt động đối với chi nhánh Cần Thơ.

3. Giải pháp tái cấu trúc bộ máy quản lý của Công ty:

- Xây dựng lại sơ đồ tổ chức, định biên nhân sự, thang/bậc lương cho người lao động và người quản lý phù hợp với doanh thu của Công ty.

4. Thời gian thực hiện:

- Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện: **Quý I năm 2026.**

- Thời gian dự kiến hoàn thành: **Quý IV năm 2026.**

5. Đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm chủ đạo:

- Hội đồng quản trị Nhựa Sài Gòn;

- Tổng Giám đốc NSG;

- Các đơn vị của NSG liên quan trực tiếp: Phòng Kinh doanh, Phòng kế toán, Văn phòng, Nhà máy, Chi nhánh.

6. Kết quả dự kiến đạt được:

- Xử lý triệt để vấn đề hạn chế xuất hóa đơn đầu ra ảnh hưởng SXKD.

- Tái cấu trúc công ty theo hướng thay đổi mô hình.

- Tinh gọn bộ máy, giảm chi phí quản lý của Công ty.

III. Đánh giá rủi ro của các phương án:

Dự báo sự phục hồi nền kinh tế trong và ngoài nước còn khó khăn, ngành nhựa Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều thử thách lớn, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu cho hiện tại và các năm tiếp theo.

Việc thực hiện xử lý khoản nợ vay ngân hàng, khách hàng Tổng Giám đốc có phương án phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, cùng với sự hợp tác của khách hàng, đối tác, ngân hàng nhằm kéo dài thời gian, kết quả thực hiện phương án xử lý nợ phục hồi phát triển công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch năm 2026 và các giải pháp chiến lược kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, TGĐ, BKS Cty;
- Lưu PTC-HC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THANH PHONG